TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 250 /2017/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 10 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 385/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956

Địa chỉ: Đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Phạm Bá T, sinh năm 1952

Địa chỉ: phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Bá T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Bá T có 3 (ba) con chung là Phạm Q, sinh ngày 21/8/1981; Phạm Quỳnh G, sinh 31/3/1983 và Phạm Th, sinh năm ngày 18/12/1985. Hiện tại các con chung của bà L và ông T đã thành niên, có khả năng lao động và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Bá T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ này.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, bà Nguyễn Thị L phải chịu 75.000 đồng, ông Phạm Bá T phải chịu 75.000 đồng, bà L tự nguyện chịu thay cho ông T số tiền 75.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003285 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà Nguyễn Thị L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện KSND Tp. P;
- Thi hành án DS Tp. P;
- UBND phường H, Tp. P
(Giấy CNKH số 255/1980);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Văn Nhàn

Mẫu số 40-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN NHÂN DÂN……[1]	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:……/……/QĐST-HNGĐ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

…., ngày…… tháng …… năm ……

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số...../...../TLST/HNGĐ ngày.....tháng....năm....., giữa[2]:

.....
.....
.....

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55,..... của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…..tháng……năm …..

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…. tháng..... năm ..... là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.
Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa [3] .....
.....
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:[4] .....
.....
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:	**THẨM PHÁN**
- Đương sự;	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;	
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;	
- Lưu hồ sơ vụ án.	

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.
(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).